

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 183/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31-10-2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Vân và bà Nguyễn Thị Hân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lý Ngọc Dung, là Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:**
Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 31 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 546/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 660/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1992

Địa chỉ: 2236, tổ dân phố Đ, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng.

Bị đơn: Anh Lê Việt T1, sinh năm 1992

Địa chỉ: 2 đường V, ấp Bình Khánh, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang

Tại phiên tòa ngày 31 tháng 10 năm 2024 nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện nộp cho Tòa án ngày 16/9/2024 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T thể hiện nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

Chị và anh T1, sau thời gian tìm hiểu cả hai tiến đến hôn nhân và có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã M, thành phố L, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

là do mâu thuẫn cá nhân, tiền bạc trong chi tiêu không minh bạch nên thường nghi ngờ dẫn đến tình cảm rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hai bên gia đình cũng khuyên can, hoà giải nhưng không thành. Hiện tại chị không còn tình cảm với anh T1, mục đích cuộc hôn nhân không đạt được do đó, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- 1/ Về hôn nhân: ly hôn với ông T1;
- 2/ Về con chung: không có con chung;
- 3/ Về tài sản chung: không có;
- 4/ Về nợ chung: không có.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn ông anh Lê Việt T1 thể hiện ý kiến tại biên bản hòa giải ngày 21/10/2024 như sau:

Anh thống nhất nội dung quá trình cả hai tiến đến hôn nhân. Thời gian đăng ký kết hôn. Con chung, cũng như tài sản chung, nợ chung chị T trình bày.

Hiện tình cảm vợ chồng không còn nên anh thống nhất yêu cầu ly hôn của chị T, không yêu cầu Tòa án tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm.

Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với anh T1. Anh T1 có nơi cư trú tại thành phố L, tỉnh An Giang. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị T, anh T1 vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự: Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh T1.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Chị T và anh Tân tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố L, tỉnh An Giang vào ngày 11/5/2021. Sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị T yêu cầu ly hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mâu thuẫn cá nhân, tiền bạc trong chi tiêu không minh bạch nên thường nghi ngờ dẫn đến tình cảm rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, trong cuộc hôn nhân giữa chị T và anh T1; anh, chị lại không thực hiện các nghĩa vụ này. Quá

trình giải quyết vụ án, anh chị đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án không thể hòa giải để anh, chị đoàn tụ. Đối với yêu cầu ly hôn của chị T, anh T1 cũng có ý kiến thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử không có căn cứ duy trì cuộc hôn nhân của anh, chị. Yêu cầu ly hôn của chị T với anh T1 được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung, tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Chị T và anh T1 trình bày không có. Tuy nhiên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì chị T và anh T1 phải liên đới trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án khác.

[3.4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 186, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy T với anh Nguyễn Việt T2.

2/ Về con chung, tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thùy T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000709, ngày 02/10/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

4/ Về quyền kháng cáo: Chị T và anh T2 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPLX;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLX;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Bé Thu